**[Mảng 2 Chiều]. Bài 1. Liệt kê các số nguyên tố trong mảng 2 chiều**

Cho ma trận cỡ NxM gồm N hàng, mỗi hàng M cột. Hãy liệt kê các số nguyên tố theo từng hàng trong ma trận.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là 2 số N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng có M số.

**Constraints**

1≤n,m≤500; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9.

**Output Format**

In ra các số nguyên tố trong ma trận theo từng dòng

**Sample Input 0**

3 3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

**Sample Output 0**

2 3

5

7

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 2. Tổng hàng, tổng cột trên ma trận**

Cho ma trận cỡ NxM gồm N hàng, mỗi hàng M cột. Hãy tính tổng các phần tử trên từng hàng và tổng các phần tử trên từng cột của ma trận.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là 2 số N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng có M số.

**Constraints**

1≤n,m≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9.

**Output Format**

Dòng đầu tiên, in ra N số là tổng của N hàng. Dòng thứ 2 in ra M số là tổng của M cột.

**Sample Input 0**

3 3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

**Sample Output 0**

6 15 24

12 15 18

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 3. Số lớn nhất và nhỏ nhất trong ma trận**

Cho ma trận cỡ NxM gồm N hàng, mỗi hàng M cột. Hãy tìm số nhỏ nhất trong ma trận và số lớn nhất trong ma trận, sau đó liệt kê các vị trí xuất hiện của các phần tử này trong ma trận.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là 2 số N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng có M số.

**Constraints**

1≤n,m≤205; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9.

**Output Format**

Dòng đầu tiên in ra số nhỏ nhất trong ma trận, các dòng tiếp theo liệt kê các vị trí của số này trong ma trận. Dòng tiếp theo in ra số lớn nhất trong ma trận, các dòng tiếp theo liệt kê các vị trí của số này trong ma trận. Xem test case mẫu để rõ hơn.

**Sample Input 0**

3 3

1 2 1

4 5 6

7 8 9

**Sample Output 0**

1

1 1

1 3

9

3 3

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 4. Số thuận nghịch trong tam giác dưới.**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy đếm các số thuận nghịch thuộc tam giác dưới của ma trận trên.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9.

**Output Format**

In ra số lượng số thuận nghịch trong ma trận.

**Sample Input 0**

3

1 2 3

22 14 56

76 5 4

**Sample Output 0**

4

**Explanation 0**

4 số là số thuận nghịch thuộc tam giác dưới là : 1, 22, 4, 5

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 5. In ra ma trận theo mẫu.**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy in ra ma trận theo các mẫu dưới đây.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤500; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9.

**Output Format**

In ra ma trận theo mẫu, xem test case để rõ hơn.

**Sample Input 0**

5

510 745 649 186 313

474 22 168 18 787

905 958 391 202 625

477 414 314 824 334

874 372 159 833 70

**Sample Output 0**

Pattern 1:

510 474 905 477 874

745 22 958 414 372

649 168 391 314 159

186 18 202 824 833

313 787 625 334 70

Pattern 2:

70 833 159 372 874

334 824 314 414 477

625 202 391 958 905

787 18 168 22 474

313 186 649 745 510

Pattern 3:

313 787 625 334 70

186 18 202 824 833

649 168 391 314 159

745 22 958 414 372

510 474 905 477 874

Pattern 4:

313 186 649 745 510

787 18 168 22 474

625 202 391 958 905

334 824 314 414 477

70 833 159 372 874

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 6. Hoán vị đường chéo**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy hoán vị các phần tử trên 2 đường chéo chính và phụ của ma trận.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9.

**Output Format**

In ra ma trận sau khi hoán vị 2 đường chéo

**Sample Input 0**

8

519 178 774 271 764 669 193 986

103 481 214 628 803 100 528 626

544 925 24 973 62 182 4 433

506 594 726 32 493 143 223 287

65 901 188 361 414 975 271 171

236 834 712 761 897 668 286 551

141 695 696 625 20 126 577 695

659 303 372 467 679 594 852 485

**Sample Output 0**

986 178 774 271 764 669 193 519

103 528 214 628 803 100 481 626

544 925 182 973 62 24 4 433

506 594 726 493 32 143 223 287

65 901 188 414 361 975 271 171

236 834 668 761 897 712 286 551

141 577 696 625 20 126 695 695

485 303 372 467 679 594 852 659

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 7. Hoán vị 2 hàng của ma trận**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy hoán vị các phần tử trên 2 hàng của ma trận.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số. Dòng tiếp theo là 2 hàng u, v cần hoán vị.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9; 1≤u,v≤200

**Output Format**

In ra ma trận sau khi hoán vị 2 hàng.

**Sample Input 0**

3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

1 3

**Sample Output 0**

7 8 9

4 5 6

1 2 3

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 8. Hoán vị 2 cột của ma trận**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy hoán vị các phần tử trên 2 cột của ma trận.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số. Dòng tiếp theo là 2 cột u, v cần hoán vị.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9; 1≤u,v≤200

**Output Format**

In ra ma trận sau khi hoán vị 2 cột.

**Sample Input 0**

3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

1 3

**Sample Output 0**

3 2 1

6 5 4

9 8 7

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 9. Đếm các phần tử là số nguyên tố trên đường chéo chính và phụ**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy đếm các số nguyên tố trên đường chéo chính và đường chéo phụ, mỗi phần tử là số nguyên tố thỏa mãn chỉ đếm 1 lần.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9;

**Output Format**

In ra số lượng số nguyên tố trên đường chéo chính và phụ.

**Sample Input 0**

4

1 2 3 4

5 6 7 8

9 10 1 2

2 3 5 7

**Sample Output 0**

3

**Explanation 0**

Các phần tử là số nguyên tố trên đường chéo chính là : 7. Các phần tử là số nguyên tố trên đường chéo phụ là : 2, 7

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 10. Đếm các phần tử là số nguyên tố trên đường chéo chính và phụ 2**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy đếm các số nguyên tố trên đường chéo chính và đường chéo phụ, mỗi giá trị là số nguyên tố thỏa mãn chỉ đếm 1 lần.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9;

**Output Format**

In ra số lượng số nguyên tố trên đường chéo chính và phụ.

**Sample Input 0**

3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

**Sample Output 0**

3

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 11. Sắp xếp các hàng của ma trận**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy sắp xếp các phần tử của từng hàng của ma trận theo thứ tự tăng dần.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9;

**Output Format**

In ra ma trận sau khi sắp xếp

**Sample Input 0**

3

2 7 6

1 2 3

9 8 1

**Sample Output 0**

2 6 7

1 2 3

1 8 9

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 12. Sắp xếp các phần tử theo cột**

Cho ma trận vuông cỡ NxN gồm N hàng, mỗi hàng N cột. Hãy sắp xếp các phần tử trong ma trận theo cột theo thứ tự tăng dần.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là số N. N dòng tiếp theo mỗi dòng có N số.

**Constraints**

1≤n≤200; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 10^9;

**Output Format**

In ra ma trận sau khi đã sắp xếp theo cột tăng dần.

**Sample Input 0**

3

1 2 3

5 5 2

1 4 7

**Sample Output 0**

1 2 2

1 4 3

5 5 7

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 13. Nhân 2 ma trận.**

Cho ma trận A cỡ NxM, ma trận B cỡ MxP. Hãy tính ma trận tích của A và B.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là 3 số N, M, P; N dòng tiếp theo, mỗi dòng M của ma trận A; M dòng tiếp theo, mỗi dòng P số của ma trận B

**Constraints**

1≤N,M,P≤50; Các phần tử trong ma trận là số dương không quá 100000;

**Output Format**

In ra ma trận tích của A và B

**Sample Input 0**

3 4 5

1 2 3 4

5 6 7 8

9 10 11 12

1 2 3 4 5

6 7 8 9 10

11 12 13 14 15

16 17 18 19 20

**Sample Output 0**

110 120 130 140 150

246 272 298 324 350

382 424 466 508 550

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 14. Ma trận xoáy ốc**

Xây dựng ma trận xoáy ốc cấp N

**Input Format**

Số nguyên dương N là cấp của ma trận xoáy ốc cần xây dựng.

**Constraints**

1≤N≤100

**Output Format**

In ra ma trận xoáy ốc.

**Sample Input 0**

3

**Sample Output 0**

1 2 3

8 9 4

7 6 5

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 15. Ma trận xoáy ốc Fibonacci**

In ra ma trận xoáy ốc cấp N, với các số trong ma trận đều là các số trong dãy Fibonacci.

**Input Format**

Số nguyên dương N

**Constraints**

1≤N≤9

**Output Format**

Ma trận xoáy ốc cấp N

**Sample Input 0**

3

**Sample Output 0**

0 1 1

13 21 2

8 5 3

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 16. Count Island 1**

Cho ma trận nhị phân gồm N hàng và M cột chỉ bao gồm các số 0 và 1. Hãy đếm số lượng miền các số 1 trong ma trận, các ô số 1 được coi là cùng miền nếu chúng có chung cạnh.

**Input Format**

Dòng đầu tiên N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm M phần tử.

**Constraints**

1≤N,M≤50.

**Output Format**

In ra số lượng miền số 1 trong ma trận.

**Sample Input 0**

4 7

0 1 1 0 1 1 0

1 1 1 1 1 1 1

1 0 0 0 0 1 1

1 1 0 1 0 0 0

**Sample Output 0**

2

**Sample Input 1**

8 8

1 1 0 1 1 1 1 0

0 1 1 1 0 0 0 1

1 1 0 0 0 0 1 1

0 1 0 1 0 0 1 1

1 0 0 1 0 0 0 1

0 1 0 1 1 1 1 0

0 0 0 0 1 0 1 1

1 0 0 0 0 0 0 0

**Sample Output 1**

6

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 17. Count Island 2**

Cho ma trận nhị phân gồm N hàng và M cột chỉ bao gồm các số 0 và 1. Hãy đếm số lượng miền các số 1 trong ma trận, các ô số 1 được coi là cùng miền nếu chúng có chung đỉnh.

**Input Format**

Dòng đầu tiên N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm M phần tử.

**Constraints**

1≤N,M≤50.

**Output Format**

In ra số lượng miền số 1 trong ma trận.

**Sample Input 0**

3 3

1 0 1

0 0 1

1 1 0

**Sample Output 0**

2

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 18. Số điểm cực đại**

Cho ma trận A các số nguyên có N hàng và M cột. Điểm được coi là cực đại trong ma trận nếu nó lớn hơn tất các số ở các số ở ô xung quanh mà chung đỉnh với nó. Hãy đếm xem trong ma trận có bao nhiêu điểm cực đại.

**Input Format**

Dòng đầu tiên N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm M phần tử.

**Constraints**

1≤N,M≤100; 1≤A[i][j]≤10^9

**Output Format**

In ra số lượng các điểm cực đại của ma trận.

**Sample Input 0**

5 3

1 1 2

1 1 1

1 1 2

2 2 1

2 1 2

**Sample Output 0**

1

**Explanation 0**

Có 1 điểm cực đại là điểm (1, 3)

**Sample Input 1**

3 3

1 2 1

1 5 1

1 0 3

**Sample Output 1**

1

**Explanation 1**

Có 1 điểm cực đại là (2, 2)

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 19. Maximum path sum**

Cho ma trận A các số nguyên có N hàng và M cột. Tìm đường đi từ ở [1, 1] tới ô [N, M] sao cho tổng các số trên đường đi là lớn nhất có thể, biết rằng ở mỗi bước chỉ có thể đi từ ô hiện tại xuống ô phía dưới hoặc đi sang phải.

**Input Format**

Dòng đầu tiên N và M. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm M phần tử.

**Constraints**

1≤N,M≤100; 1≤A[i][j]≤10^9

**Output Format**

In ra đường đi có tổng lớn nhất.

**Sample Input 0**

3 3

1 2 2

3 10 2

5 7 2

**Sample Output 0**

23

**Explanation 0**

Giải thích : Đường đi được chọn (1, 1) -> (2, 1) -> (2, 2) -> (3, 2) -> (3, 3)

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 20. Tìm đường đi.**

Cho một ma trận nhị phân có N hàng và M cột, một con chuột bắt đầu từ ô có tọa độ [s, t] và tìm đường đi tới ô [u, v], biết rằng ở mỗi bước con chuột có thể di chuyển từ ô hiện tại sang các ô chung cạnh với ô hiện tại và số ở ô chung cạnh là số 1. Bạn chỉ được đi qua 1 ô đúng 1 lần hãy kiểm tra xem con chuột có thể tìm được đường đi tới ô [u, v] hay không ? Dữ liệu đảm bảo 2 ô [s, t] và ô [u, v] đều bằng 1.

**Input Format**

Dòng đầu tiên N và M. Dòng thứ 2 là 4 số s, t, u , v. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm M phần tử.

**Constraints**

1≤N,M≤100; 1≤s,u≤N;1≤t,v≤M;

**Output Format**

In YES nếu con chuột có thể tìm được đường đi, ngược lại in NO.

**Sample Input 0**

3 5

1 1 3 5

1 0 1 0 0

0 1 1 1 1

1 0 0 0 1

**Sample Output 0**

NO

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 21. Đường đi của quân Mã**

Cho bàn cờ vua cỡ N \* N, các ô trên bàn cờ có giá trị là 0 hoặc 1. Một con mã xuất phát từ ô (s, t) và muốn di chuyển tới ô (u, v), con mã chỉ có thể di chuyển ở các ô mà tại ô đó có giá trị là 1 và nó có thể di chuyển qua lại 1 ô nhiều lần. Hãy xác định xem con mã có thể tìm được đường đi hay không, dữ liệu đảm bảo ô (s, t) và ô (u, v) đều có giá trị là 1.

**Input Format**

Dòng đầu tiên N. Dòng thứ 2 là 4 số s, t, u , v. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm N phần tử.

**Constraints**

1≤N,M≤100; 1≤s,t,u,v≤N; 0≤A[i][j]≤1;

**Output Format**

In YES nếu con mã có thể tìm được đường đi, ngược lại in NO.

**Sample Input 0**

9

7 5 4 3

1 0 1 0 1 0 1 1 1

1 1 1 1 0 0 0 0 1

1 0 1 1 1 0 1 1 1

1 0 1 0 1 0 0 0 0

0 1 1 0 1 1 0 1 1

1 0 0 0 0 1 1 0 1

1 0 1 0 1 0 1 1 0

0 1 1 0 0 0 0 1 1

0 0 1 1 0 0 0 0 1

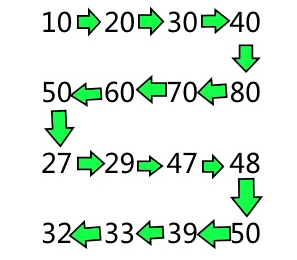
**Sample Output 0**

YES

**Explanation 0**

Con Mã có thể di chuyển từ ô (7, 5) -> (6, 7) -> (5, 5) -> (4, 3)

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 22. Snake**

Cho ma trận vuông A[N][N]. Hãy in các phần tử thuộc theo hình con rắn.

**Input Format**

Dòng đầu tiên đưa vào N là cấp của ma trận A[N][N]; N dòng tiếp mỗi dòng gồm N số nguyên.

**Constraints**

1≤N≤100; 0≤A[i][j]≤1000000

**Output Format**

In ra ma trận theo yêu cầu.

**Sample Input 0**

15

957 275 516 118 593 6 646 52 910 183 702 335 468 704 506

171 168 428 372 722 683 545 853 409 575 727 930 67 556 753

5 749 378 996 374 171 159 86 100 657 467 609 406 195 570

448 679 401 417 81 954 885 685 316 986 95 297 755 934 107

663 474 203 49 825 440 809 262 463 542 170 929 299 64 473

481 876 994 896 765 632 734 764 691 94 947 925 213 786 735

8 616 394 904 199 775 305 935 797 193 138 598 234 398 480

131 645 527 411 302 627 110 765 880 203 972 445 93 892 746

140 571 401 810 222 515 932 615 252 679 856 58 552 573 595

343 896 35 908 967 862 427 738 199 655 961 678 856 475 435

273 968 573 576 136 274 356 340 263 473 912 819 820 787 576

44 486 724 324 640 326 799 191 378 788 773 31 289 677 71

424 676 915 830 422 934 550 654 274 435 450 165 190 833 601

906 356 74 834 484 892 217 41 625 628 722 801 561 438 816

768 945 804 545 827 732 375 236 57 199 424 647 212 260 110

**Sample Output 0**

957 275 516 118 593 6 646 52 910 183 702 335 468 704 506

753 556 67 930 727 575 409 853 545 683 722 372 428 168 171

5 749 378 996 374 171 159 86 100 657 467 609 406 195 570

107 934 755 297 95 986 316 685 885 954 81 417 401 679 448

663 474 203 49 825 440 809 262 463 542 170 929 299 64 473

735 786 213 925 947 94 691 764 734 632 765 896 994 876 481

8 616 394 904 199 775 305 935 797 193 138 598 234 398 480

746 892 93 445 972 203 880 765 110 627 302 411 527 645 131

140 571 401 810 222 515 932 615 252 679 856 58 552 573 595

435 475 856 678 961 655 199 738 427 862 967 908 35 896 343

273 968 573 576 136 274 356 340 263 473 912 819 820 787 576

71 677 289 31 773 788 378 191 799 326 640 324 724 486 44

424 676 915 830 422 934 550 654 274 435 450 165 190 833 601

816 438 561 801 722 628 625 41 217 892 484 834 74 356 906

768 945 804 545 827 732 375 236 57 199 424 647 212 260 110

**Sample Input 1**

3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

**Sample Output 1**

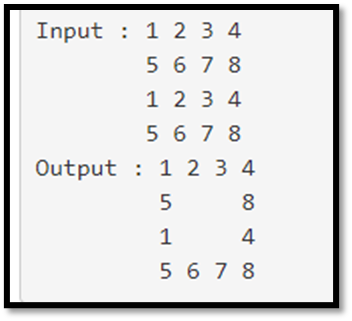
1 2 3

6 5 4

7 8 9

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 23. Biên của ma trận**

Cho ma trận vuông A[N][N]. Hãy in các phần tử thuộc vùng biên.



**Input Format**

Dòng đầu tiên đưa vào N là cấp của ma trận A[N][N]; N dòng tiếp mỗi dòng gồm N số nguyên.

**Constraints**

1≤N≤100; 0≤A[i][j]≤1000000

**Output Format**

In ra ma trận theo yêu cầu, các số được in trên 1 dòng.

**Sample Input 0**

3

1 2 3

4 5 6

7 8 9

**Sample Output 0**

1 2 3 4 6 7 8 9

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 24. Phần tử xuất hiện ở mọi hàng.**

Cho ma trận vuông A[N][N]. Hãy in ra các số xuất hiện ở mọi hàng theo thứ tự từ bé đến lớn, mỗi giá trị xuất hiện chỉ liệt kê 1 lần.

**Input Format**

Dòng đầu tiên đưa vào N là cấp của ma trận A[N][N]; N dòng tiếp mỗi dòng gồm N số nguyên.

**Constraints**

1≤N≤100; 0≤A[i][j]≤100

**Output Format**

In ra các giá trị xuất hiện trên mọi dòng của ma trận, các số in cách nhau một dấu cách. Nếu không tồn tại giá trị nào thỏa mãn in ra "NOT FOUND".

**Sample Input 0**

4

1 2 2 3

2 1 2 4

1 4 5 2

2 2 3 1

**Sample Output 0**

1 2

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 25. Diện tích**

Cho một ma trận nhị phân cỡ NxM chỉ bao gồm các số 0, 1. Hãy xác định vùng nhiều số 1 nhất trên ma trận, biết rằng các ô có chung cạnh được coi là cùng miền.

**Input Format**

Dòng đầu tiên là N và M tương ứng với số hàng, cột của ma trận. N dòng tiếp theo mỗi dòng có M số

**Constraints**

1<=N, M <= 500; Các phần tử trong ma trận có giá trị 0 hoặc 1.

**Output Format**

In ra diện tích miền có nhiều số 1 nhất

**Sample Input 0**

5 6

0 1 0 1 0 1

0 0 0 1 1 0

0 1 1 0 1 1

0 1 1 0 0 0

0 0 0 0 0 0

**Sample Output 0**

5

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 26. Maximum path sum 2**

Cho mảng 2 chiều A gồm N hàng và N cột, hãy tìm 1 đường đi từ dòng 1 tới dòng N sao cho các phần tử trên đường đi đó là lớn nhất có thể. Biết rằng ở mỗi bước đi từ ô hiện tại chỉ có thể đi xuống ô dưới bên trái, ô dưới bên phải hoặc ô dưới của ô hiện tại. Hãy tìm 1 đường đi có tổng các số trên đường đi là lớn nhất.

**Input Format**

* Dòng 1 là N
* N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm N số

**Constraints**

* 1<=N<=100
* 1<=A[i][j]<=100

**Output Format**

In ra kết quả của bài toán

**Sample Input 0**

5

5 1 8 6 7

6 0 0 3 7

3 4 1 5 3

9 8 9 2 2

5 3 4 5 3

**Sample Output 0**

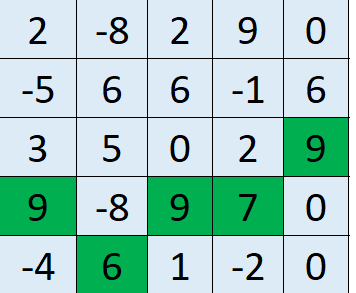
33

**Explanation 0**

Đường đi có tổng lớn nhất : 7 + 7 + 5 + 9 + 5 = 33

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 27. Maximum path sum 3**

Cho mảng 2 chiều A gồm N hàng và N cột, hàng được đánh số từ 1 đến N từ trên xuống dưới, cột được đánh số từ 1 tới N từ trái sang phải, hãy tìm 1 đường đi từ một ô ở cột 1 tới 1 ổ ở cột N sao cho các phần tử trên đường đi đó là lớn nhất có thể. Biết rằng ở mỗi bước đi từ ô hiện tại (i, j) chỉ có thể đi sang phải (i, j + 1) hoặc đi xuống ô dưới bên phải (i + 1, j + 1), ô bên trên bên phải(i - 1, j + 1). Hãy tìm 1 đường đi có tổng các số trên đường đi là lớn nhất.



**Input Format**

* Dòng 1 là N
* N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm N số

**Constraints**

* 1<=N<=100
* -100<=A[i][j]<=100

**Output Format**

In ra đáp án của bài toán

**Sample Input 0**

5

2 -8 2 9 0

-5 6 6 -1 6

3 5 0 2 9

9 -8 9 7 0

-4 6 1 -2 0

**Sample Output 0**

40

**Explanation 0**

Đường đi có tổng lớn nhất : 9 + 6 + 9 + 7 + 9 = 40

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 28. Hình vuông lớn nhất**

Cho mảng 2 chiều A gồm N hàng và N cột, hãy xét tất cả các hình vuông con cỡ 3x3 của mảng A, hãy tìm hình vuông có có tổng lớn nhất đó.

**Input Format**

* Dòng 1 là N
* N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm N số

**Constraints**

* 3<=N<=100
* 100<=A[i][j]<=100

**Output Format**

In ra tổng lớn nhất của hình vuông cỡ 3x3

**Sample Input 0**

6

4 6 4 5 8 2

8 0 9 0 1 4

3 5 3 6 3 4

5 7 0 9 5 9

4 5 5 9 6 3

9 2 3 6 1 8

**Sample Output 0**

56

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 29. Đường đi của quân Tịnh**

Tèo khá thích chơi cờ vua và quân cờ mà Tèo yêu thích chính là quân Tịnh, bây giờ Tèo có một bàn cờ cỡ NxN, trên bàn cờ sẽ có những ô trống và có những ô có vật cản, nhiệm vụ của bạn là hãy xác định xem số lượng ô trên bàn cờ mà quân Tịnh có thể di chuyển tới, biết rằng nó có thể đi qua đi lại 1 ô trống nhiều lần và không thể đi vào ô có vật cản.

Bàn cờ gồm N hàng N cột, mỗi ô là số 1 tương ứng với vật cản và ô số 0 tương ứng với ô trống. Ban đầu quân Tịnh nằm ở vị trí hàng S và cột T và ô (S, T) là ô trống

**Input Format**

* Dòng 1 là N, S, T
* N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm N số

**Constraints**

* 5<=N<=20
* 0<=A[i][j]<=1

**Output Format**

In ra số lượng ô trên bàn cờ mà quân Tịnh có thể đến được

**Sample Input 0**

6 1 3

0 0 0 1 1 0

1 1 1 0 1 0

1 0 0 1 0 1

1 1 1 1 1 0

0 0 1 1 1 0

0 1 1 0 1 0

**Sample Output 0**

6

**[Mảng 2 Chiều]. Bài 30. Đường đi của quân Xe**

Tèo khá thích chơi cờ vua và quân cờ mà Tèo yêu thích chính là quân Xe, bây giờ Tèo có một bàn cờ cỡ NxN, trên bàn cờ sẽ có những ô trống và có những ô có vật cản, nhiệm vụ của bạn là hãy xác định xem số lượng ô trên bàn cờ mà quân Xe có thể di chuyển tới, biết rằng nó có thể đi qua đi lại 1 ô trống nhiều lần và không thể đi vào ô có vật cản.

Bàn cờ gồm N hàng N cột, mỗi ô là số 1 tương ứng với vật cản và ô số 0 tương ứng với ô trống. Ban đầu quân Xe nằm ở vị trí hàng S và cột T và ô (S, T) là ô trống

**Input Format**

* Dòng 1 là N, S, T
* N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm N số

**Constraints**

* 5<=N<=20
* 0<=A[i][j]<=1

**Output Format**

In ra số lượng ô trên bàn cờ mà quân Xe có thể đến được

**Sample Input 0**

7 4 6

1 1 1 0 0 1 0

1 1 0 0 0 1 1

0 1 0 0 0 0 0

1 0 1 0 1 0 1

1 0 1 1 1 1 0

1 1 0 0 1 0 1

0 0 0 0 1 1 0

**Sample Output 0**

12

**Explanation 0**

Những ô quân Xe có thể đi tới : 4 6, 3 6, 3 5, 2 5, 1 5, 1 4, 2 4, 3 4, 4 4, 3 3, 2 3, 3 7

**[Vector]. Bài 7. Vector và pair**

Cho N điểm trong hệ tọa độ Oxy, bạn hãy dùng vector

pair<int, int>

để lưu tọa độ các điểm này. Sau đó duyệt vector và tính khoảng cách từ các điểm này về gốc tọa độ và lưu vào 1 vector sau đó in ra các phần tử trong vector khoảng cách này lấy 2 số sau dấu phẩy.

**Input Format**

Dòng 1 là N : số lượng điểm. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm 2 số là tung độ và hoành độ.

**Constraints**

1<=N<=1000; Tọa độ là số nguyên có trị tuyệt đối không quá 100;

**Output Format**

In ra đáp án của bài toán.

**Sample Input 0**

13

5 27

69 84

92 51

12 70

26 70

76 47

36 94

55 2

26 20

85 97

17 31

33 88

10 75

**Sample Output 0**

27.46 108.71 105.19 71.02 74.67 89.36 100.66 55.04 32.80 128.97 35.36 93.98 75.66

**[Vector]. Bài 8. Vector và pair 2**

Cho N điểm trong hệ tọa độ Oxyz, bạn hãy dùng vector

pair<pair<int, int>, int>>

để lưu tọa độ các điểm này. Sau đó duyệt vector và in ra tổng của tung độ, hoành độ, cao độ.

**Input Format**

Dòng 1 là N : số lượng điểm. N dòng tiếp theo mỗi dòng gồm 3 số là tung độ, hoành độ, cao độ.

**Constraints**

1<=N<=1000; Tọa độ là số nguyên có trị tuyệt đối không quá 100;

**Output Format**

In ra đáp án của bài toán

**Sample Input 0**

12

65 91 53

64 70 15

50 9 57

69 37 11

31 35 66

73 55 50

63 40 38

33 5 41

67 39 29

85 78 6

67 49 83

41 34 88

**Sample Output 0**

209 149 116 117 132 178 141 79 135 169 199 163